

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Sông Lô II - quy mô 165,655 ha”

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 245/23/CV-VPID ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Sông Lô II - quy mô 165,655 ha” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Sông Lô II - quy mô 165,655 ha” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Yên Thạch và xã Đồng Thịnh, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc;
- UBND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở TN&MT tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường;
- Lưu: VT, VPMC, MT, TTH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Tuấn Nhân

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU CÔNG NGHIỆP
SÔNG LÔ II - QUY MÔ 165,655 HA”**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên Dự án: “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Sông Lô II - quy mô 165,655 ha”.
- Địa điểm thực hiện: xã Yên Thạch và xã Đồng Thịnh, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.
- Địa chỉ liên hệ: Khu công nghiệp Khai Quang, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Sông Lô II trên diện tích 165,655 ha (không bao gồm diện tích 5,0224 ha đất quy hoạch tuyến đường từ nút giao đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai đi trung tâm huyện lỵ Sông Lô).
- Các nội dung của Dự án điều chỉnh so với báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định số 2559/QĐ-BTNMT ngày 11/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường:

(1) Bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư vào Khu công nghiệp Sông Lô II:

TT	Các ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành (theo Quyết định số 27/2018/QĐ- TTg ngày 06/07/2018)
I	Các ngành, nghề thu hút đầu tư theo ĐTM đã được phê duyệt	
1	Công nghiệp cơ khí: - Sản xuất, lắp ráp ô tô; - Sản xuất các phụ tùng, linh kiện phục vụ cho việc lắp ràp ô tô, xe máy; - Sản xuất các linh kiện, chi tiết cơ khí chính xác	C29100; C29300; C28190
2	Công nghiệp điện tử: - Sản xuất các mặt hàng phục vụ cho các máy móc điện tử lắp đặt trong ô tô, xe máy; - Chế tạo các loại máy cho thiết bị bưu điện - truyền thông;	C26400; C28170; C26300; C26100; C26400

	- Sản xuất linh kiện điện tử, sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	
3	Công nghiệp thiết bị điện: Sản xuất dây và thiết bị dây dẫn	C273
4	Vật liệu xây dựng: - Công nghiệp vật liệu xây dựng cao cấp; - Bao bì nhựa, sản phẩm nhựa	C239; C22209
5	Công nghiệp nhẹ: - Dệt (không có nhuộm); - May; - Sản xuất mỹ phẩm; - Da giày (không có công đoạn thuộc da); - Chế biến và bảo quản rau quả	C13; C14; C20231; C15200; C103
II	Các ngành, nghề thu hút đầu tư bổ sung	
C	Nhóm ngành công nghiệp chế biến và chế tạo	
1	Sản xuất, chế biến thực phẩm gồm: - Chế biến, bảo quản và các sản phẩm từ thịt (trừ giết mổ gia súc, gia cầm); - Sản xuất dầu mỡ, động thực vật; - Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; - Xay xát và sản xuất bột (trừ sản xuất tinh bột sắn, bột ngọt); - Sản xuất thực phẩm khác (trừ sản xuất đường); - Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	C1010; C1040; C1050; C106; C1070; C1080
2	Sản xuất đồ uống	C11
3	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	C12
4	Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan gồm: - Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm; - Sản xuất giày, dép (không có công đoạn thuộc da)	C1512; C1520
5	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện gồm: - Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; - Sản xuất đồ gỗ xây dựng; - Sản xuất bao bì bằng gỗ; - Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	C1621; C1622; C1623; C1629
6	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy gồm: - Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì; - Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bì chưa được phân vào đâu	C1702; C1709

7	In ấn, sao chép bản ghi các loại.	C18
8	Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất gồm: - Sản xuất hoá chất cơ bản; - Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; - Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; - Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, sản xuất mực in và ma tít; - Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh; - Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh; - Sản xuất mỹ phẩm; - Sản xuất sợi nhân tạo	C2011; C2012; C2013; C2022; C2023; C2029; C2030
9	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	C21
10	Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic gồm: - Sản xuất sảm, lốp cao su; - Sản xuất sản phẩm khác từ cao su; - Sản xuất sản phẩm từ plastic	C2211; C2219; C2220
11	Sản xuất kim loại	C24
14	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn gồm: - Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi; - Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại, các dịch vụ xử lý, gia công kim loại	C251; C259
15	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	C26
16	Sản xuất thiết bị điện	C27
17	Sản xuất máy móc thiết bị chưa được phân vào đâu	C28
18	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	C29
19	Sản xuất phương tiện vận tải khác	C30
20	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	C31
21	Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	C32
22	Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	C33
23	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	D3530
24	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	H5210

(2) Nâng công suất hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp từ 4.900 m³/ngày đêm lên 6.000 m³/ngày đêm (bao gồm 02 mô đun, công suất mỗi mô đun 3.000 m³/ngày đêm).

(3) Điều chỉnh quy trình công nghệ xử lý nước thải của Khu công nghiệp Sông Lô II, cụ thể: Bổ sung thêm ngăn lắng cát tại bể thu gom; bổ bể tách dầu; bổ sung đường ống bơm nước thải khi có nồng độ ô nhiễm thấp từ bể điều hòa sang bể SBR để xử lý và không qua cụm bể xử lý hóa lý.

(4) Đầu tư 02 hồ sự cố cho 02 mô đun xử lý nước thải với tổng dung tích 10.000 m³/ngày đêm (thay cho 01 hồ sự cố dung tích 10.000 m³/ngày đêm).

1.3. Các hạng mục công trình của Dự án:

- Các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật của Khu công nghiệp Sông Lô II:
 - + San nền;
 - + Hệ thống giao thông;
 - + Hệ thống cấp điện;
 - + Hệ thống chiếu sáng công cộng;
 - + Hệ thống cấp nước;
 - + Hệ thống thông tin liên lạc;
 - + Hệ thống phòng cháy chữa cháy;
 - + Cây xanh;
 - + 01 hồ chứa điều tiết tưới tiêu cho nông nghiệp với dung tích 5.000 m³;
 - + Hệ thống thu gom, thoát nước mưa;
 - + Hệ thống thu gom, thoát nước thải;
 - + Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 6.000 m³/ngày đêm (bao gồm 02 mô đun, công suất mỗi mô đun 3.000 m³/ngày đêm);
 - + 02 hồ sự cố với tổng dung tích khoảng 10.000 m³ (dung tích mỗi hồ 5.000 m³) để ứng phó sự cố cho 02 mô đun xử lý nước thải;
 - + Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt diện tích 200 m²;
 - + Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 150 m²;
 - + Kho chứa chất thải nguy hại diện tích 150 m².
- Hoàn trả kênh tiêu Ông Bùi đoạn chảy qua Khu công nghiệp Sông Lô II, xây dựng 02 tuyến kênh giao cắt với kênh tiêu Ông Bùi và các công trình trên địa bàn các xã Đồng Thịnh và Yên Thạch, huyện Sông Lô (theo Giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi số 811/GP-UBND ngày 14/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc):
 - + Hoàn trả kênh tiêu ông Bùi đoạn chảy qua Khu công nghiệp Sông Lô II (đoạn từ Km0+180 đến Km1+900 kênh tiêu ông Bùi) là tuyến mương số 2 và

các công trình trên kênh;

+ Xây dựng 01 hồ chứa nước tại Km0+400 kênh tiêu ông Bùi với diện tích 6.599m² (dung tích 20.000 m³);

+ Xây dựng tuyến mương số 1, giao cắt với kênh tiêu ông Bùi tại Km1+900;

+ Xây dựng tuyến mương số 3 có điểm đầu tuyến (Km0+00), giao cắt với kênh tiêu ông Bùi tại Km0+180.

- Nội dung được phê duyệt không bao gồm khai thác vật liệu xây dựng phục vụ thi công xây dựng Dự án; khai thác (kể cả khai thác tận thu, nếu có) khoáng sản trong đất.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường (được quy định chi tiết tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Dự án thu hồi khoảng 70,909 ha đất trồng lúa 01 vụ, đất trồng cây hàng năm và ngắn hạn, khoảng 79,889 ha đất trồng cây hàng năm và khoảng 9,898 ha đất trồng cây lâu năm; khoảng 30 hộ dân bị ảnh hưởng do chuyển đổi mục đích sử dụng đất; khoảng 240 ngôi mộ tại xã Yên Thạch và 250 ngôi mộ tại xã Đồng Thịnh phải di dời khi thực hiện Dự án (theo số liệu do Chủ dự án cung cấp).

+ Hoạt động sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt.

+ Hoạt động phát quang tại khu vực thực hiện Dự án phát sinh chất thải rắn thông thường.

+ Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thi công, phế thải và hoạt động thi công xây dựng phát sinh bụi, khí thải, nước thải xây dựng, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại, tiếng ồn; ảnh hưởng đến hoạt động giao thông khu vực.

- Giai đoạn vận hành:

+ Hoạt động của các dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, tiếng ồn.

+ Hoạt động của khu điều hành dịch vụ và hoạt động vận hành hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

+ Hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung phát sinh mùi, bùn thải.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

3.1.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân thi công xây dựng khoảng 6,75 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD, Amoni, Nitrat, Phosphat, dầu mỡ động, thực vật, Coliform.

- Nước thải xây dựng phát sinh từ hoạt động rửa các phương tiện thi công, vận chuyển, nước sử dụng trộn vôi, cát, xi măng,... khoảng 28,8 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng, tổng dầu mỡ khoáng.

3.1.1.2. Giai đoạn vận hành:

Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp phát sinh từ hoạt động của Dự án trong giai đoạn vận hành khoảng 5.461 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, BOD, COD, Amoni, kim loại nặng, tổng N, tổng P, Coliform, Phenol, Xianua, Sunfua, Florua, Clo dư, PCB.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải:

3.1.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động của các phương tiện thi công cơ giới, quá trình đào đắp, xây dựng các hạng mục công trình, hoạt động lưu giữ đất hữu cơ bóc tách. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, NO₂, SO₂.

3.1.2.2. Giai đoạn vận hành:

- Bụi và khí thải từ hoạt động sản xuất của các dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp có tính chất phụ thuộc ngành nghề thu hút đầu tư.

- Khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, NO_x, SO₂.

- Mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp. Thông số ô nhiễm đặc trưng: CH₄, NH₃, H₂S, metyl mercaptan.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

3.2.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động phát quang cây cối, thực bì trong khu vực thực hiện Dự án khoảng 1.514,42 tấn.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân thi công xây dựng khoảng 75 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: Các loại bao bì, vỏ chai lọ,

thức ăn thừa,...

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng khoảng 4.516 tấn/tổng thời gian thi công. Thành phần chủ yếu: Đất đá, gạch vỡ, cát, sắt thép vụn,...

- Đất hữu cơ từ quá trình bóc tách tầng mặt đất với tổng khối lượng khoảng 160.600 m³.

3.2.1.2. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên tại khu điều hành dịch vụ, trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp và hoạt động của công nhân viên tại các dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp khoảng 10.824 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: Các loại bao bì, vỏ chai lọ, thức ăn thừa.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của khu điều hành dịch vụ, hoạt động vận hành hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp và các dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp khoảng 36 tấn/ngày; thành phần phụ thuộc ngành nghề thu hút đầu tư.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

3.2.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng khoảng 19 kg/tháng. Thành phần chủ yếu: Bóng đèn huỳnh quang thải, xỉ hàn, vỏ hộp/thùng đựng sơn, vật liệu dính dầu.

3.2.2.2. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của khu điều hành dịch vụ, hoạt động vận hành hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp khoảng 62 kg/năm. Thành phần chủ yếu: Bao bì thải dính thành phần nguy hại; chấp hập thụ, vật liệu lọc, găng tay, giẻ lau dính dầu; dầu thải; bóng đèn huỳnh quang thải.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của các dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp khoảng 8,75 tấn/ngày; thành phần phụ thuộc ngành nghề thu hút đầu tư.

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp khoảng 146,5 tấn/năm.

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

3.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

3.3.2. Giai đoạn vận hành:

- Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động sản xuất của các dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp.

- Tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng.

3.4. Các tác động khác:

- Dự án thu hồi khoảng 70,909 ha đất trồng lúa 01 vụ, đất trồng cây hàng năm và ngắn hạn, khoảng 79,889 ha đất trồng cây hàng năm và khoảng 9,898 ha đất trồng cây lâu năm; khoảng 30 hộ dân bị ảnh hưởng do chuyển đổi mục đích sử dụng đất; khoảng 240 ngôi mộ tại xã Yên Thạch và 250 ngôi mộ tại xã Đồng Thịnh phải di dời khi thực hiện Dự án (theo số liệu do Chủ dự án cung cấp).

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến giao thông khu vực và có nguy cơ xảy ra ngập úng cục bộ, sạt lở, sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông,...

- Trong quá trình vận hành Dự án có thể xảy ra sự cố môi trường liên quan đến cháy nổ, hóa chất, hệ thống xử lý nước thải tập trung,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

4.1.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Bố trí 02 nhà vệ sinh di động tại công trường (loại có bể tự hoại 02 ngăn thể tích 5 m³); hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ theo thực tế phát sinh theo đúng quy định.

- Bố trí tại mỗi công trường thi công 02 hố lắng với tổng dung tích khoảng 10 m³ (kích thước mỗi hố lắng: L x B x H = 2,5m x 1,0m x 2,0m), cấu tạo 03 ngăn, lót bạt HDPE để thu gom, tách dầu và lắng lọc toàn bộ nước thải từ hoạt động vệ sinh phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công tại công trường thi công. Nước thải sau khi tách dầu mỡ, lắng cặn được tái sử dụng toàn bộ vào mục đích vệ sinh phương tiện vận chuyển và làm ẩm vật liệu thi công, đất đá thải trước khi vận chuyển, không xả thải ra môi trường.

4.1.1.2. Giai đoạn vận hành:

4.1.1.2.1. Các hạng mục công trình xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước mưa;

- Các bể tự hoại để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt;

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 6.000 m³/ngày đêm (bao gồm 02 mô đun, công suất mỗi mô đun 3.000 m³/ngày đêm).

- 02 hồ sự cố với tổng dung tích khoảng 10.000 m³ (dung tích mỗi hồ 5.000 m³) để ứng phó sự cố cho 02 mô đun xử lý nước thải.

4.1.1.2.2. Quy trình thu gom, xử lý nước thải; dòng thải ra môi trường:

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của khu điều hành dịch vụ và trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp được thu gom, xử lý sơ bộ bằng các

bể tự hoại trước khi đưa về xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

- Nước thải từ hoạt động của các dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp sau khi xử lý sơ bộ tại các dự án đầu tư thứ cấp được thu gom, đưa về xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

- Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp:

Nước thải → Tách rác thô → Bể thu gom và lắng cát → Tách rác tinh → Bể điều hoà → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể selector và SBR (bể SBR hoạt động theo từng mẻ xử lý, mỗi mẻ xử lý hoạt động 08 giờ) → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Kênh tiêu Ông Bùi (trục tiêu Cầu Mai) → Sông Lô.

Trước mỗi mẻ xử lý, nước thải đầu vào tại bể điều hòa sẽ được phân tích tại phòng thí nghiệm (bố trí tại khu vực xử lý nước thải) để xác định nồng độ ô nhiễm cao/thấp (thời gian phân tích khoảng 01 giờ), cụ thể như sau:

+ Các thông số để xác định nước thải có nồng độ ô nhiễm cao/thấp:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
1	COD	mg/l	313,6
2	BOD	mg/l	166,6
3	TSS	mg/l	58,8
4	Tổng nitơ	mg/l	55,86
5	Tổng phot pho	mg/l	7,2

+ Trường hợp nước thải đầu vào tại bể điều hòa có một trong các thông số cao hơn giá trị tại bảng nêu trên, nước thải được xác định là nước thải có nồng độ ô nhiễm cao và được tiếp tục xử lý tại cụm bể xử lý hóa lý và các công đoạn khác theo quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Trường hợp nước thải đầu vào tại bể điều hòa có tất cả các thông số bằng hoặc thấp hơn giá trị tại bảng nêu trên, nước thải được xác định là nước thải có nồng độ ô nhiễm thấp và được bơm từ bể điều hòa sang bể SBR để xử lý và không qua cụm bể xử lý hóa lý.

- Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
1	Nhiệt độ	°C	40
2	Màu	Pt/Co	150
3	pH	-	5,5-9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
5	COD	mg/l	150

6	TSS	mg/l	100
7	Asen	mg/l	0,0405
8	Thuỷ ngân	mg/l	0,00405
9	Chì	mg/l	0,081
10	Cadimi	mg/l	0,0405
11	Crom (VI)	mg/l	0,0405
12	Crom (III)	mg/l	0,162
13	Đồng	mg/l	1,62
14	Kẽm	mg/l	2,43
15	Niken	mg/l	0,162
16	Mangan	mg/l	0,405
17	Sắt	mg/l	0,81
18	Tổng xianua	mg/l	0,0567
19	Tổng phenol	mg/l	0,081
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05
21	Sunfua	mg/l	0,5
22	Florua	mg/l	4,05
23	Amoni	mg/l	10
24	Tổng nitơ	mg/l	40
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6
26	Clorua	mg/l	405
27	Clo dư	mg/l	2
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,0405
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,243
30	Tổng PCB	mg/l	0,00243
31	Tổng coliforms	Vi khuẩn/ 100ml	5.000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1

- Nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

+ Nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý: Kênh tiêu Ông Bùn (trục tiêu Cầu Mai).

+ Vị trí xả thải: X = 2.365.635,568; Y = 543.859,696 (hệ toạ độ VN 2000, múi chiếu 3°, kinh tuyến 105°00')

+ Phương thức xả thải: Xả mặt liên tục 24 giờ/ngày.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A; $K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$).

- Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục trước cửa xả ra ngoài môi trường của hệ thống xử lý nước thải tập trung (có camera theo dõi và thiết bị lấy mẫu tự động), truyền số liệu trực tiếp đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc theo đúng quy định. Các thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục bao gồm lưu lượng nước thải (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.

4.1.2. Về xử lý bụi, khí thải:

4.1.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Lắp đặt hàng rào bằng tôn cao 2,5m xung quanh khu vực công trường thi công các hạng mục công trình.

- Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công phù hợp, xây dựng nội quy đối với công nhân và nhà thầu thi công xây dựng tuân thủ các quy định về an toàn, bảo vệ môi trường.

- Phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, không để rơi rớt vật liệu trong quá trình vận chuyển.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo vệ sinh.

- Sử dụng xe chuyên dụng để tưới nước dập bụi trên tuyến đường nội bộ phục vụ thi công và tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu ở phạm vi cách dự án từ 2-3 km với tần suất 1-2 lần/ngày vào những ngày trời không mưa và tăng tần suất tưới 3-4 lần/ngày vào mùa khô; phun ẩm bề mặt trước khi đào đắp các công trình xây dựng với tần suất 01 lần/ngày và tăng tần suất 02 lần/ngày trong mùa khô.

- Làm sạch đường khu vực gần các cửa ra vào khu vực thi công: các phương tiện trước khi vào tuyến vận chuyển sẽ được làm sạch bùn đất bám tại lốp xe tại cửa ra và làm sạch đường gần khu vực cửa công trường.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.1.2.2. Giai đoạn vận hành:

- Khí thải từ các máy phát điện dự phòng đảm bảo đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi xả thải ra môi trường.

- Thực hiện vệ sinh, sử dụng xe chuyên dụng phun, tưới nước giảm bụi cho các tuyến đường giao thông nội bộ trong khuôn viên Khu công nghiệp với tần suất 1-2 lần/ngày vào những ngày trời không mưa, tăng tần suất tưới 2-3 lần/ngày trong mùa khô.

- Thực hiện việc trồng cây xanh đảm bảo diện tích đất được trồng cây xanh tối thiểu đạt 10% tổng diện tích đất Khu công nghiệp.

- Đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp theo đúng quy định.

- Các dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp phải xử lý bụi và khí thải đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo thủ tục môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt riêng cho từng dự án.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường:

4.2.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Đất bóc hữu cơ được tập kết và sử dụng cho các khu vực quy hoạch trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án; bố trí bờ bao xung quanh khu vực tập kết và thực hiện phủ bạt lên phía trên bãi chứa để tránh phát tán bụi vào ngày nắng, gió và rửa trôi khi trời mưa.

- Trang bị khoảng 10 thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích khoảng 60 - 100 lít để chứa rác thải sinh hoạt tại khu vực thi công xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Đối với chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng:

+ Các loại chất thải rắn, phế liệu còn giá trị sử dụng được tái chế, tái sử dụng theo quy định;

+ Các loại chất thải rắn không thể tận dụng được thu gom, lưu giữ tại 01 bãi chứa diện tích 50m² trong khuôn viên công trường; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

4.2.1.2. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ khu điều hành dịch vụ và hoạt động vận hành hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp do Chủ dự án thu gom, lưu giữ tạm thời tại kho chất thải rắn sinh hoạt diện tích 200 m² và chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 150 m²; hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ các dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp do các chủ đầu tư này tự ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4.2.1.3. Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ

trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại:

4.2.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Trang bị các thùng chứa chất thải nguy hại riêng biệt có nắp đậy, đáp ứng yêu cầu theo quy định để thu gom chất thải nguy hại.

- Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại trong khuôn viên công trường; hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

4.2.2.2. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải nguy hại phát sinh từ khu điều hành dịch vụ và hoạt động vận hành hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp do Chủ dự án thu gom (sử dụng các thùng chứa chất thải nguy hại riêng biệt có nắp đậy, đáp ứng yêu cầu theo quy định), lưu giữ tạm thời tại kho chứa chất thải nguy hại diện tích 150 m² (kho chứa chất thải nguy hại đảm bảo được thiết kế, xây dựng đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định); hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung sau khi ép tại máy ép bùn được phân định, phơi khô tại sân phơi bùn diện tích 600 m², lưu giữ tạm thời tại kho chứa chất thải nguy hại diện tích 150 m² của Dự án; hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ các dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp do các chủ đầu tư này tự hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4.2.2.3. Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

4.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn theo quy định; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên.

- Các máy móc cơ giới gây ra chấn động lớn không hoạt động cùng lúc để giảm tần suất cộng hưởng của độ rung.

4.3.2. Giai đoạn vận hành:

- Bố trí máy phát điện trong phòng cách âm; sử dụng móng bê tông vững chắc và đệm giảm chấn để chống rung; kiểm tra độ mòn chi tiết định kỳ và bảo dưỡng, thay thế những thiết bị hư hỏng.

- Các dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp phải áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo thủ tục môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt riêng cho từng dự án.

4.3.3. Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố chất thải giai đoạn 2023-2030.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: Lắp đặt và vận hành hệ thống phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với các hệ thống xử lý nước thải:

- + Vận hành 02 hồ sự cố với tổng thể tích 10.000 m³ (dung tích 5.000 m³/hồ) có thành và đáy bê tông cốt thép chống thấm để ứng phó sự cố cho 02 mô đun xử lý nước thải. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố, nước thải được lưu giữ tại hồ sự cố; sau khi sự cố được khắc phục, nước thải ở hồ sự cố được bơm ngược lại về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Hồ sự cố phải đảm bảo kiên cố, chống thấm, chống rò rỉ nước thải ra ngoài môi trường theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế về xây dựng.

- + Lắp đặt các thiết bị dự phòng để kịp thời khắc phục khi có sự cố; dung tích các bể, hệ thống van chặn tại các bể của hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo thời gian lưu nước tối đa trong trường hợp xảy ra sự cố hệ thống xử lý nước thải.

- + Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành, bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án.

- + Thỏa thuận với các dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp Sông Lô II về việc tạm dừng tiếp nhận nước thải từ dự án đầu tư thứ cấp về hệ thống xử lý nước thải tập trung trong trường hợp quá thời gian lưu chứa tối đa của công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố mà sự cố tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Sông Lô II chưa được khắc phục; yêu cầu các dự án đầu tư thứ cấp chủ động bố trí các công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải

tại mỗi dự án đầu tư với quy mô phù hợp để nâng cao năng lực ứng phó sự cố về môi trường đối với nước thải nói chung tại Khu công nghiệp Sông Lô II và thể hiện cụ thể các nội dung này trong văn bản thỏa thuận khi tiếp nhận thu hút dự án đầu tư thứ cấp. Trường hợp công trình ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải của Dự án không còn khả năng lưu chứa nước thải, thực hiện đóng van đầu nối nước thải từ các dự án đầu tư thứ cấp vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp và thông báo chủ dự án đầu tư thứ cấp về việc tạm ngừng tiếp nhận nước thải từ các dự án đầu tư thứ cấp, vận hành phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải tại các dự án đầu tư thứ cấp để hỗ trợ thời gian khắc phục sự cố hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi và khí thải: Các dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp phải áp dụng các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải theo thủ tục môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt riêng cho từng dự án.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ và sự cố rò rỉ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo đúng quy định.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước: Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác:

4.4.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, di dời mồ mả theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Bố trí rãnh thoát nước và hố ga lắng cặn xung quanh khu vực Dự án với khoảng cách khoảng 50 m/hố, kích thước mỗi hố L x B x H = 1m x 1m x 2m để thu gom nước mưa chảy tràn tại khu vực thi công trước khi thực hiện thi công san nền. Toàn bộ nước mưa chảy tràn tại các công trường thi công được thu gom vào hệ thống mương, rãnh, hố lắng bố trí dọc theo hướng thoát nước xung quanh Dự án để lắng, lọc trước khi thoát vào môi trường. Thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các mương thoát nước khu vực thi công, đảm bảo không gây ngập úng tại khu vực Dự án.

- Thường xuyên dọn dẹp mặt bằng thi công; tập kết nguyên vật liệu theo tiến độ thi công, che chắn các khu vực tập kết nguyên vật liệu xây dựng và không tập trung nguyên vật liệu thi công gần mương thoát nước; bố trí bờ bao xung quanh khu vực tập kết đất hữu cơ và thực hiện phủ bạt lên phía trên bãi chứa, tránh xói lở và rửa trôi khi trời mưa.

- Giám sát, đảm bảo công tác thi công được triển khai trong ranh giới, phạm vi cho phép; phối hợp với chính quyền địa phương đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình thi công.

- Xây dựng các phương án ứng phó đối với các sự cố, tai nạn lao động; tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động; trang bị bảo hộ lao động; tăng cường phổ biến và hướng dẫn cán bộ kỹ thuật, công nhân lao động kỹ năng phòng, tránh, ứng phó sự cố tai nạn lao động.

4.4.2.2. Giai đoạn vận hành:

- Xây dựng, vận hành hệ thống thoát nước mưa đúng thiết kế quy hoạch được duyệt; có giải pháp thoát nước để đảm bảo khu vực lân cận của Dự án không bị ngập úng. Nước mưa được dẫn theo hệ thống thu gom nước mưa của Dự án theo các lưu vực thoát nước, cụ thể như sau:

+ Lưu vực 1 (lưu vực phía Đông đường 36,5m): Nước mưa được thoát vào hồ điều hoà phía Bắc và hệ thống mương thoát nước xung quanh phía Đông Khu công nghiệp trước khi thoát ra kênh thoát nước hình thang B4000 chảy từ phía Bắc xuống phía Nam; bố trí 03 cửa xả, bao gồm 06 tuyến cống có đường kính từ D600 - D2000.

+ Lưu vực 2 (lưu vực phía Tây đường 36,5m): Nước mưa được thoát vào hệ thống mương thoát nước xung quanh phía Tây Khu công nghiệp trước khi thoát ra kênh thoát nước hình thang B4000 chảy từ phía Bắc xuống phía Nam; bố trí 10 cửa xả, bao gồm 24 tuyến cống có đường kính từ D500 - D2000.

- Thực hiện phương án hoàn trả các kênh, mương theo quy định; đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp.

- Xây dựng 02 hồ chứa điều tiết tưới tiêu cho nông nghiệp với tổng dung tích 25.000 m³ (bao gồm 01 hồ chứa nước tại Km0+400 kênh tiêu ông Bùi với dung tích 20.000 m³ và 01 hồ chứa nước cạnh khu vực xử lý nước thải của Khu công nghiệp với dung tích 5.000 m³); mái ta luy hồ được gia cố bằng đá hộc xây vữa xi măng; xung quanh hồ làm đường dạo kết cấu bằng bê tông xi măng, lắp lan can sắt đảm bảo an toàn cho người đi bộ quanh hồ. Sau khi hoàn thành xây dựng, Chủ dự án bàn giao 02 hồ chứa cho Công ty TNHH MTV Thủy lợi Lập Thạch để vận hành và quản lý theo quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư

Chủ dự án đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như sau:

5.1. Giám sát trong giai đoạn thi công xây dựng:

Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.2. Giám sát trong giai đoạn vận hành:

5.2.1. Giám sát nước thải:

5.2.1.1. Giám sát tự động, liên tục nước thải:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại mương quan trắc nước thải sau xử lý tại Khu công nghiệp Sông Lô II.

- Thông số giám sát: Lưu lượng nước thải (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.

- Tần suất giám sát: Liên tục, tự động.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A; $K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$).

- Đấu nối và truyền dữ liệu quan trắc tự động: Thực hiện theo quy định.

5.2.1.2. Giám sát định kỳ nước thải:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại mương quan trắc nước thải sau xử lý tại Khu công nghiệp Sông Lô II.

- Thông số giám sát: Các thông số giám sát thực hiện theo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (trừ các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục).

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A; $K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$).

5.2.2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Chỉ được phép triển khai xây dựng Dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận việc chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; thiết kế, xây dựng các hạng mục công trình của Dự án phải bảo đảm tuân thủ quy định về xây dựng và đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

- Hợp đồng với đơn vị chức năng tiến hành rà phá bom, mìn, vật nổ trong khu vực Dự án trước khi triển khai thực hiện; phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền và Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thực hiện công tác chuyển đổi mục đích sử dụng đất, bồi thường và giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Phối hợp với chính quyền địa phương xác định vị trí đổ thải phế thải xây dựng phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án; phục hồi cảnh quan môi trường khu vực tạm chiếm dụng trong quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án; áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý phù hợp đảm bảo việc đổ thải phế thải xây dựng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường.

- Chỉ được phép thu hút các dự án đầu tư thứ cấp có ngành nghề tại Mục 1.3 Phụ lục này.

- Yêu cầu các dự án đầu tư thứ cấp vào Khu công nghiệp phải thực hiện thủ tục môi trường theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Khu công nghiệp theo quy định tại khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ nguồn nước, khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; đảm bảo các quy phạm kỹ thuật có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu úng ngập do việc thực hiện Dự án; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh Dự án.

- Việc xả nước thải sau xử lý của Dự án vào công trình thủy lợi phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung và năng lực tiêu thoát nước của công trình thủy lợi; đảm bảo hành lang an toàn đối với các kênh tưới tiêu trong khu vực theo quy định.

- Xây dựng, vận hành hồ sự cố có khả năng quay vòng xử lý lại nước thải, đảm bảo không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện cam kết về bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư thứ cấp khi đăng ký đầu tư vào Khu công nghiệp; ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, phòng ngừa, ứng phó sự cố, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động, an toàn hóa chất, an toàn giao thông trong quá trình thực hiện Dự án theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với đội ngũ cán bộ và công nhân viên tham gia thi công xây dựng, vận hành Dự án.

- Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện như cam kết đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường./.